

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUẢNG CÁO VÀ SỰ KIỆN ĐỨC THÀNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUẢNG CÁO VÀ SỰ KIỆN ĐỨC THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUC THANH EVENTS AND ADVERTISING TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110026829

**3. Ngày thành lập:** 10/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Căn số 14, Tầng 2, Tòa CT2A - Gelexia Riverside, Đường Tam Trinh, Phường Yên Sở, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0818148379

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4520        |
| 2.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4541        |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4543        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610        |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8230        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299        |
| 7.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8551        |
| 8.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8552        |
| 9.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm( gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; | 8559(Chính) |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8560        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                                                                                                           | 9000 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ<br>(trừ môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                                                                                          | 9633 |
| 13. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                     | 6201 |
| 14. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                       | 6202 |
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                        | 6311 |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310 |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                                                                                                     | 7320 |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                            | 7410 |
| 19. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Loại trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                                            | 7420 |
| 20. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1811 |
| 21. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                           | 1812 |
| 22. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                 | 1820 |
| 23. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                        | 4791 |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách. | 4932 |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)                                                                                                                                                                   | 4933 |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(không bao gồm dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng)                                                                                                                                                                                        | 5210 |
| 27. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                          | 5224 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                   | 5225 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Trừ hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không)                                                                                                                                              | 5229 |
| 30. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                 | 5510 |
| 31. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 32. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thương xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                  | 5621 |
| 33. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 5629 |
| 34. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                   | 5630 |
| 35. | Xuất bản phần mềm<br>(Loại trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                   | 5820 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ sản xuất chương trình truyền hình)                                                                                                                                                                                                          | 5911 |
| 37. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5912 |
| 38. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ phát hành chương trình truyền hình)                                                                                                                                                                                                        | 5913 |
| 39. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7722 |
| 40. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: + Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, + Thiết bị sản xuất điện ảnh, | 7730 |
| 41. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7911 |
| 42. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp<br>(Trừ dịch vụ bảo vệ)                                                                                                                                                                                                                                                                | 8211 |
| 43. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                                     | 8219 |
| 44. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Radiô, cassette, tivi; - Loa, thiết bị âm thanh nổi; - Máy nghe nhạc; - Đầu video, đầu đĩa CD, DVD.                                                                                                                                                 | 4742 |
| 45. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                      | 4759 |
| 46. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                     | 4761 |
| 47. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 4762 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ ĐỨC THÀNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/09/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001083016740*

Ngày cấp: *08/05/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Xóm Bơ, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm Bơ, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*